

THỜI KHÓA BIỂU CÁC HỌC PHẦN CHUNG															
Học kỳ I năm học 2026-2027 (bắt đầu từ ngày 07/9/2026)															
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
Các học phần dành cho sinh viên khoá QH2026															
1 KHÓA QH2026	VNU1001	Nhập môn công nghệ số và Ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	3	VNU1001-01	7	1-3	"Lịch học trên TKB để sinh viên đăng ký Lớp học sẽ học trên LMS"	Zoom	220		Viện Đào tạo số và Khảo thí ĐHQGHN	QH2026 toàn trường (SV đăng ký học ở HK1, môn học không tổ chức ở HKII) và SV QH2024 về trước chưa học HP Tin học cơ sở 2 đăng ký học chuyển điểm tương đương		
					VNU1001-02	7	4-6		Zoom	220					
					VNU1001-03	7	7-9		Zoom	220					
					VNU1001-04	7	10-12		Zoom	220					
					VNU1001-05	7	1-3		Zoom	220					
					VNU1001-06	7	4-6		Zoom	220					
					VNU1001-07	7	7-9		Zoom	220					
					VNU1001-08	CN	10-12		Zoom	220					
					VNU1001-09	CN	1-3		Zoom	220					
					VNU1001-10	CN	4-6		Zoom	220					
					VNU1001-11	CN	7-9		Zoom	220					
					VNU1001-12	CN	10-12		Zoom	220					
					VNU1001-13	CN	1-3		Zoom	220					
					VNU1001-14	CN	4-6		Zoom	220					
										3080					
2 khóa QH2026	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ Học phần bắt buộc để xét tốt nghiệp, chứng chỉ kỹ năng mềm (Không tính GPA)	3	3	FLF1018-01	2	1-3	610	A2	58		Khoa NN&VH Anh (KTA)	QH2026 khoa NN&VH Nhật, Khoa NN&VH Anh, Ngành Truyền thông quốc tế, Khoa NN &VH Pháp, ngành Tâm lý học giáo dục	Nguyễn Thị Hợp	0988673573
					FLF1018-02	2	4-6	610	A2	58				Nguyễn Thị Thủy Linh	0362328288
					FLF1018-03	2	1-3	611	A2	58				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-04	2	4-6	611	A2	58				Lương Tổ Lan	0912362846
					FLF1018-05	2	1-3	710	A2	58				Nguyễn Thị Thu Hiền	0975936787
					FLF1018-06	3	1-3	610	A2	58				Hoàng Thị Phương Loan	0815222699
					FLF1018-07	3	4-6	610	A2	58				Lương Tổ Lan	0912362846
					FLF1018-08	3	1-3	611	A2	58				Hoàng Thuý Hương	0906203663
					FLF1018-09	3	4-6	611	A2	58				Nguyễn Thị Thủy Linh	0362328288
					FLF1018-10	4	1-3	406	B2	65				Hoàng Thị Phương Loan	0815222699
					FLF1018-11	2	7-9	211	B2	65				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-12	6	1-3	407	B2	65	Đổi phòng			Hoàng Thuý Hương	906203663
					FLF1018-13	4	1-3	610	A2	60				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-14	4	4-6	610	A2	58				Lương Tổ Lan	0912362846
					FLF1018-15	4	1-3	611	A2	58				Trần Kiều Hạnh	0985546090
					FLF1018-16	4	4-6	611	A2	58				Trần Kiều Hạnh	0985546090
					FLF1018-17	4	7-9	611	A2	58				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-18	5	1-3	610	A2	58				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-19	5	4-6	610	A2	58				Nguyễn Thị Thuý	0987525969
					FLF1018-20	5	7-9	610	A2	58				Phan Thị Ngọc Lệ	0369058523
					FLF1018-21	6	1-3	610	A2	58				Nguyễn Thị Thu Hiền	0975936787
					FLF1018-22	6	4-6	610	A2	58				Đoàn Thuý Quỳnh	0912548706
										1299					
3 KHÓA QH2026	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (T. Việt) (HP Bắt buộc)	3	3	HIS1056- 01	3	13	Học trực tuyến trên Zoom và LMS	Zoom	1,300		Tiếng Việt K.NN-VH VN&ĐNA	QH2026 Khoa NN&VH Ả Rập, Nga, Đức, Trung, Hàn, Pháp, Truyền thông quốc tế (Các Ngành, Khoa khác học ở HK2)	Ngô Thanh Mai Chữ Thị Bích Trần Hữu Trí	0902268995
		Cơ sở văn hóa Việt Nam (T. Việt) (HP Bắt buộc)	3	3	HIS1056- 02	2	4-6	401	B2	80		Tiếng Việt K.NN&VHVN-ĐNA	QH2026 Khoa NN&VH Ả Rập, Nga, Đức, Trung, Hàn, Pháp, Truyền thông quốc tế (Các Ngành, Khoa khác học ở HK2)	Nguyễn Phương Thảo (GVMG)	0949699866
		Cơ sở văn hóa Việt Nam (T. Anh) (HP Bắt buộc)	3	3	HIS1056- 03	4	1-3	HT1	C1	45		Tiếng Anh K.NN&VHVN-ĐNA	QH2026 Khoa NN&VH Ả Rập, Nga, Đức, Trung, Hàn, Pháp, Truyền thông quốc tế (Các Ngành, Khoa khác học ở HK2)	Nguyễn Mai Phương	916471797
					HIS1056- 04	4	4-6	HT1	C1	45				Nguyễn Mai Phương	916471797
										1,470					
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (T. Việt) (HP Bắt buộc)	3	3	Khoa VN ĐNA xây dựng TKB cho SV của khoa							Tiếng Việt K.NN&VHVN-ĐNA	QH2025 NN-VHVN &ĐNA		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
4 KHÓA QH2026	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ (Bắt buộc)	3	3	VLF1052-01	4	13	Học trực tuyến trên Zoom và LMS		1,500		K.NN&VHVN-DNA	QH2026 NN&VH Nhật Bản, khoa NN&VH Anh, NN&VH Pháp (các ngành, khoa khác học ở HK2)	Vũ Thị Hồng Tiếp Chu Thị Phong Lan Nguyễn Thị Thu Hương	985094228
5 KHÓA QH2026	FLF1052	Tư duy hình ảnh (Bắt buộc)	3	3	FLF1052-01 CLC QH26	2	4-6	406	C1	30	Đã gán lớp CLC, SV lớp khác HUYẾT đăng ký sang lớp khác	Khoa Tâm lý - GDKP	QH2026 ngành SPTA CLC (Nhà trường gán lớp cho sv), Sv lớp khác không đăng ký lớp này)		
		Tư duy hình ảnh (Tự chọn)			FLF1052-02	3	1-3	711	A2	50			QH2026 SP Anh, NN Anh, ngành Tâm lý học giáo dục	Bùi Thị Hằng Nga	0912537654
														Phạm Hoàng Long Biển	912790040
6 KHÓA QH2026	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	HIS1053**- 01 BRT	2	4-6	406	B2	85		K.NN&VHVN-DNA	QH2026 BRT NN Anh, Tâm lý học giáo dục	Trần Thị Thanh Huyền	945158138
7 KHÓA QH2026	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (Tự chọn)	3	3	FLF1053-01	3	1-3	306	B2	50		Khoa Tâm lý - GDKP	QH2026 NN Anh BRT	Nguyễn Thị Phương	0982611815
					FLF1053-02	3	4-6	306	B2	50				Ta Nhật Ánh	0934893668
					FLF1053-03	3	4-6	401	B2	50				Nguyễn Thị Phương	0982611815
										150					
8	FLF1057	Văn hóa các nước Asean (T. Anh)	3	3	Khoa NN&VH Anh xây dựng TKB cho SV của khoa							K. NN&VH Anh (CNNTA)	QH2026 NN Anh BRT		
Các học phần ngoại ngữ 2 bắt buộc dành cho QH2026															
9	FLF1107B	Tiếng Anh B1 Thời gian bắt đầu học từ 21/9/2026	5	5	FLF1107B-01	2	1-3	Học trên LMS và zoom		115		Khoa NN&VH Anh	QH2026 NN và SP các khoa ngoài khoa NN&VH Anh; Khoa Tâm lý học giáo dục *** Sinh viên ngành Trung Quốc tải nâng BẮT BUỘC học NN2: Tiếng Anh (học 4 học kỳ + CDR B2)		
					FLF1107B-02	2	1-3			115					
					FLF1107B-03	3	1-3			115					
					FLF1107B-04	3	1-3			27	Hủy 3/9/26				
					FLF1107B-05	4	1-3			115					
					FLF1107B-06	4	1-3			14	Hủy 3/9/26				
					FLF1107B-07	4	1-3			8	Hủy 3/9/26				
					FLF1107B-08	5	1-3			115					
					FLF1107B-09	5	1-3			21	Hủy 3/9/26				
					FLF1107B-10	5	1-3			115					
					FLF1107B-11	6	1-3			115					
					FLF1107B-12	6	7-9			115					
					FLF1107B-13	6	7-9			13	Hủy 3/9/26				
											1,003				
10	FLF1307B	Tiếng Pháp B1	5	5	FLF1307B-01	3	1-5	108	C1	38	Nơi chỗ các lớp từ 08/9	Khoa NN&VH Pháp	QH2026 NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
					FLF1307B-02	4	1-5	108	C1	38					
					FLF1307B-03	5	1-5	108	C1	38					
					FLF1307B-04	6	1-5	108	C1	38					
										152					
11	FLF1407B	Tiếng Trung Quốc B1 (học trực tiếp 3 tiết/ LMS 2 tiết) Thời gian bắt đầu học từ 14/9/2026	5	3	FLF1407B-01	2	1-3	801	A2	38	Học phần tiếng Trung B1, sv học 3 tiết trực tiếp	Khoa NN&VH Trung Quốc	QH 2026 NN Anh, SP Anh, VHHTXQG *** Sinh viên hệ SPTA CLC VNU BẮT BUỘC học NN2 tiếng Trung + CDR B2		
					FLF1407B-02	2	4-6	802	A2	38					
					FLF1407B-03	2	1-3	803	A2	38					
					FLF1407B-04	3	1-3	801	A2	38					
					FLF1407B-05	3	4-6	802	A2	38					
					FLF1407B-06	4	1-3	801	A2	38					
					FLF1407B-07	4	4-6	802	A2	38					
					FLF1407B-08	5	1-3	801	A2	38					
					FLF1407B-09	5	4-6	802	A2	38					
					FLF1407B-10	6	1-3	801	A2	38					
					FLF1407B-11 (BRT, SPTA CLC)	6	1-3	802	A2	38					
					FLF1407B-12 (BRT, SPTA CLC)	6	1-3	803	A2	38					
					FLF1407B-13 (BRT, SPTA CLC)	6	4-6	306	C1	38	Bổ sung lớp 3/9/26				
					FLF1407B-14 (BRT, SPTA CLC)	6	1-3	810	A2	38	Bổ sung lớp 3/9/26				
					FLF1407B 15	2	1-3	208	B2	38	Bổ sung lớp 3/9/26				
					FLF1407B 16	2	4-6	205	B3	32	Bổ sung lớp 3/9/26				
										602					
12	FLF1507B	Tiếng Đức B1	5	5	FLF1507B-01	2	1-5	807	A2	38		Khoa NN&VH Đức	QH 2026 NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
					FLF1507B-02	3	1-5	807	A2	38					
										76					
					FLF1607B-01	2	1-5	806	A2	38					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
13	FLF1607B	Tiếng Nhật B1	5	5	FLF1607B-02	3	1-5	806	A2	38		Khoa Nhật	QH 2026 NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
					FLF1607B-03	4	2-6	806	A2	38					
					FLF1607B-04	5	1-5	806	A2	38					
					FLF1607B-05	6	2-6	806	A2	38					
					FLF1607B-06	2	1-5	206	B3	32	Bỏ sung lớp 3/9/26				
					FLF1607B-07	5	1-5	706	A2	38	Bỏ sung lớp 3/9/26				
										266					
14	FLF1707B	Tiếng Hàn Quốc B1	5	5	FLF1707B-01	2	2-6	804	A2	38		Khoa NN&VH Hàn Quốc	QH 2026 NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
					FLF1707B-02	3	2-6	804	A2	38					
					FLF1707B-03	4	2-6	804	A2	38					
					FLF1707B-04	5	2-6	804	A2	38					
					FLF1707B-05	6	2-6	804	A2	38					
					FLF1707B-06	3	2-6	808	A2	38	Bỏ sung lớp 3/9/26				
					FLF1707B-07	6	2-6	207	C1	38	Bỏ sung lớp 3/9/26				
										266					
15	FLF1907B	Tiếng Thái B1	5	5	FLF1907B-01	2	2-6	708	A2	38	Khoa NN&VHVN-ĐNA	QH 2026 NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế	Nguyễn Mai Phương	0916471797	
					FLF1907B-02	5	2-6	708	A2	38			Đào Thị Hợp (day tới 30/9); Nguyễn Thị Văn Chi (day từ 1/10)	0961089295	
										76					
Các học phần ngoại ngữ 2 dành cho QH2025 trở về trước (Tự chọn trừ CLC ngành SP Anh, không tính GPA, học miễn phí để hỗ trợ SV thi CDR NN2)															
16	FLF1108B	Tiếng Anh B2	5	5	FLF1108B-01	2	1-5	707	A2	38		Khoa NN&VH Anh	NN và SP khác T.Anh		
17	FLF1508B	Tiếng Đức B2	5	5	FLF1508B-01	6	1-5	707	A2	38		Khoa NN&VH Đức	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
18	FLF1608B	Tiếng Nhật B2	5	5	FLF1608B-01	3	1-5	707	A2	38		Khoa NN&VH Nhật	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
19	FLF1308B	Tiếng Pháp B2	5	5	FLF1308B-01	3	1-5	107	C1	38		Khoa NN&VH Pháp	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
20	FLF1408B	Tiếng Trung Quốc B2	5	5	FLF1408B-01	2	1-5	706	A2	38		Khoa NN&VH Trung Quốc	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
21	FLF1708B	Tiếng Hàn Quốc B2	5	5	FLF1708B-01	2	2-6	704	A2	38		Khoa NN&VH Hàn Quốc	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế		
22	FLF1908B	Tiếng Thái Lan B2	5	5	FLF1908B-01	3	2-6	803	A2	38		Khoa NN&VHVN-ĐNA	NN Anh, SP Anh, Truyền thông quốc tế	Đào Thị Hợp (day tới 30/9); Nguyễn Thị Văn Chi (day từ 1/10)	0961089295
Các học phần dành cho sinh viên QH2025 và các sinh viên khóa trước chưa học hoặc học lại, học cải thiện															
23	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp (Bắt buộc đối với ngành ngôn ngữ)	3	3	FLF1009-01	2	1-3	103	B2	65		Tâm lý - GDKP	QH2025 khoa NN&VH Anh, NN&VH Pháp, VHTTXQG Các khoa khác học ở HK2 (Học phần được tổ chức ở 2 HK)	Nguyễn Thị Thu Dung Nguyễn Thị Ngọc Anh	0984853214
					FLF1009-02	2	4-6	103	B2	65				Nguyễn Thị Thu Dung Nguyễn Thị Ngọc Anh	0984853214
					FLF1009-03	3	1-3	103	B2	65				Nguyễn Thị Ngọc Anh	0838020485
					FLF1009-04	2	4-6	711	A2	57				Nguyễn Thị Huyền Trang (87)	0919562287
					FLF1009-05	2	7-9	711	A2	57				Nguyễn Thị Huyền Trang (87)	0919562287
					FLF1009-06	3	1-3	406	B2	65				Phạm Thanh Thuý	0353994450
					FLF1009-07	3	4-6	406	B2	65				Phạm Thanh Thuý	0353994450
					FLF1009-08	3	1-3	HT3	C1	57				Nguyễn Thị Hải Hà	0912439855
					FLF1009-09	3	4-6	HT3	C1	57				Nguyễn Thị Hải Hà	0912439855
					FLF1009-10	5	4-6	711	A2	57				Phạm Thanh Thuý	0353994450
					FLF1009-11	4	1-3	710	A2	57				Hoàng Linh Chi	0839840323
					FLF1009-12	4	4-6	710	A2	57				Hoàng Linh Chi	0839840323
					FLF1009-13	4	1-3	711	A2	57				Nguyễn Thị Hằng Nga	
					FLF1009-14	4	4-6	711	A2	57				Nguyễn Thị Hằng Nga	
					FLF1009-15	4	4-6	403	C1	57				Nguyễn Thị Huyền Trang (87)	0919562287
					FLF1009-16	4	7-9	610	A2	57				Nguyễn Huy Hoàng	0988889105
					FLF1009-17	5	1-3	710	A2	57				Nguyễn Huy Hoàng	0988889105
					FLF1009-18	5	4-6	710	A2	57				Nguyễn Huy Hoàng	0988889105
					FLF1009-19	5	1-3	711	A2	57				Phạm Thanh Thuý	0353994450
					FLF1009-20	2	1-3	711	A2	57			QH2025 ngành sư phạm (SP Anh CLC, SP Anh), VN ĐNA	Nguyễn Thị Huyền Trang (87)	0919562287

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
		Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp (Tự chọn đối với ngành sư phạm)	3	3	FLF1009-21	3	4-6	103	B2	65		Tâm lý - GDKP	(Học phần được giảng dạy ở 2 học kì, SV không đăng kí được ở HK1 sẽ học ở HK2)	Phạm Dương Hồng Ngọc	0838020485
										1,245					
24	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Bắt buộc)	2	2	PEC1008-01	2	1-2	104	B2	88		Môi giảng Trường ĐH Kinh tế	QH2025 toàn trường	PGS.TS. Phạm Thị Nga	0962 260 638,
					PEC1008-02	2	3-4	104	B2	88				PGS.TS. Phạm Thị Nga	0962 260 638,
					PEC1008-03	2	5-6	104	B2	88				PGS.TS. Phạm Thị Nga	0962 260 638,
					PEC1008-04	2	7-8	104	B2	88				PGS.TS. Phạm Thị Nga	0962 260 638,
					PEC1008-05	2	9-10	104	B2	88				PGS.TS. Phạm Thị Nga	0962 260 638,
					PEC1008-06	2	1-2	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thuý Linh	0949916675
					PEC1008-07	2	3-4	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thuý Linh	0949916675
					PEC1008-08	2	5-6	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thuý Linh	0949916675
					PEC1008-09	3	1-2	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Nhung	0987930732
					PEC1008-10	3	3-4	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Nhung	0987930732
					PEC1008-11	3	5-6	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Nhung	0987930732
					PEC1008-12	3	7-8	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Nhung	0987930732
					PEC1008-13	3	9-10	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Nhung	0987930732
					PEC1008-14	3	1-2	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm	0916610080 097129268
					PEC1008-15	3	3-4	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thủy Dung	0916610080 097129268
					PEC1008-16	3	5-6	105	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm	0916610080 097129268
					PEC1008-17	4	1-2	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thuý Linh	0949916675
					PEC1008-18	4	3-4	104	B2	88				TS. Nguyễn Thị Thuý Linh	0949916675
					PEC1008-19	4	5-6	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-20	4	7-8	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-21	4	9-10	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-22	5	1-2	104	B2	88				TS. Dương Quỳnh Hoa	0903217876
					PEC1008-23	5	3-4	104	B2	88				TS. Dương Quỳnh Hoa	0903217876
					PEC1008-24	5	5-6	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-25	5	7-8	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-26	5	9-10	104	B2	88				PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan	0913248998,
					PEC1008-27	6	1-2	104	B2	88				TS. Hoàng Thị Thịnh	0987734630
					PEC1008-28	6	3-4	104	B2	88				TS. Hoàng Thị Thịnh	0987734630
					PEC1008-29	6	5-6	104	B2	88				TS. Hoàng Thị Thịnh	0987734630
					PEC1008-30	6	7-8	104	B2	88				TS. Dương Quỳnh Hoa	0903217876
										2640					
25	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương (Bắt buộc)	2	2	THL1057-01	7	1-2	"Lịch học trên TKB để sinh viên đăng ký Lớp học sẽ học trên LMS"	Zoom	220		Môi giảng Viện Đào tạo số và khảo thí Trường ĐH Luật-ĐHQGHN	QH2025 toàn trường bắt buộc học ở HK1 2026-2027		
					THL1057-02	7	3-4		Zoom	220					
					THL1057-03	7	5-6		Zoom	220					
					THL1057-04	7	7-8		Zoom	220					
					THL1057-05	7	9-10		Zoom	220					
					THL1057-06	CN	1-2		Zoom	220					
					THL1057-07	CN	3-4		Zoom	220					
					THL1057-08	CN	5-6		Zoom	220					
					THL1057-09	CN	7-8		Zoom	220					
					THL1057-10	CN	9-10		Zoom	220					
					THL1057-11	CN	1-2		Zoom	220					
					THL1057-12	CN	3-4		Zoom	220					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
					THL1057-13	CN	7-8		Zoom	220					
					THL1057-14	CN	9-10		Zoom	220					
										3080					
26	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành (Tự chọn)	3	3	VLF1053**-01	2	1-3	407	B2	85		Tiếng Việt K.NN&VHVN-DNA	QH2025 SP Anh CLC, SP Anh, NN Anh, NN Nga, NN Pháp, SP Trung, NN Trung, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập QH2024 NN Đức, SP Đức	Phạm Thị Hương Quỳnh	096 2621629
					VLF1053**-02	2	4-6	407	B2	85				Phạm Thị Hương Quỳnh	096 2621629
					VLF1053**-03	3	1-3	407	B2	85				Nguyễn Phương Thảo (GVMG)	0949699866
					VLF1053**-04	3	4-6	407	B2	85				Nguyễn Phương Thảo (GVMG)	0949699866
					VLF1053**-05	4	4-6	407	B2	85				Phạm Thị Tuyết Minh (GVMG)	0983576083
					VLF1053**-06	4	7-9	407	B2	85				Phạm Thị Tuyết Minh (GVMG)	0983576083
					VLF1053**-07	5	4-6	407	B2	85				Trần Hương Thục	0912279178
					VLF1053**-08	5	7-9	407	B2	85				Trần Hương Thục	0912279178
										680					
27	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3	FLF1015-01	4	4-6	105	B2	65	K.NN&VH Anh (KTA)	QH2025 NN Pháp, NN Đức, VN ĐNA, TTXQG QH2024 SP Đức, NN Đức BPD	Trần Thị Long	0904520511	
					FLF1015-02	4	7-9	710	A2	60				Nguyễn Ngân Hà	098 4612388
										125					
28	PSF1050	Tâm lý học đại cương (Tự chọn dành cho hệ Ngôn ngữ)	3	3	PSF1050-01	2	1-3	509	B2	55	Tiếng Việt Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 VH TT XQG, NN Nga, NN Trung, NN Nhật, NN Hàn, NN Ả Rập	Nguyễn Thị Phương	0982611815	
					PSF1050-02	2	4-6	509	B2	55				Nguyễn Thị Phương	0982611815
					PSF1050-03	3	1-3	405	C1	55				Đào Thị Diệu Linh/ Vũ Huyền Châu	0912170182039250869
					PSF1050-04	3	4-6	405	C1	55				Đào Thị Diệu Linh	0912170182
					PSF1050-05	4	1-3	405	C1	55				Vũ Huyền Châu	0392508698
					PSF1050-06	4	4-6	405	C1	55				Vũ Huyền Châu	0392508698
29	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và Giao tiếp xã hội (Bắt buộc đối với sinh viên sư phạm)	3	3	FLF1010-01	2	1-3	404	C1	50	Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 SP Anh CLC (gán lớp) SP Anh, SP Hàn, SP Trung, SP Nhật (292sv) (Dành cho SV các ngành sư phạm)	Nguyễn Thị Linh Yên	0904909957	
					FLF1010-02	2	4-6	404	C1	50				Nguyễn Thị Linh Yên	0904909957
					FLF1010-03	3	1-3	301	B2	50				Phùng Thị Kim Dung	
					FLF1010-04	3	4-6	301	B2	50				Nguyễn Thu Lệ Hằng	0919345269
					FLF1010-05	4	1-3	105	B2	50				Nguyễn Thị Chi	0942376458
					FLF1010-06 (CLC SP Anh)	6	4-6	401	C1	30				Hà Lê Kim Anh	
					FLF1010-07	5	1-3	401	C1	50				Nguyễn Thị Thu Dung	0984853214
		Trí tuệ cảm xúc và Giao tiếp xã hội (Tự chọn với các ngành ngôn ngữ)			FLF1010-08	5	4-6	401	C1	50			Nguyễn Thị Thu Dung	0984853214	
					FLF1010-09	6	1-3	401	C1	50			Nguyễn Thị Hợp		
							430								
30	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3	PHI1051**-01	2	1-3	202	B2	80	Môi giảng trường ĐHKHXH&NV	QH2025 các ngành ngôn ngữ và sư phạm, VH TT XQG QH2026 Tâm lý học GDLVH (TCII)	Trần Minh Hiếu	0363294756	
					PHI1051**-02	2	4-6	202	B2	80				Trần Minh Hiếu	0363294756
					PHI1051**-03	3	1-3	202	B2	80				Trương Thị Quỳnh Hoa	0912613178
					PHI1051**-04	3	4-6	202	B2	80				Trương Thị Quỳnh Hoa	0912613178
					PHI1051**-05	4	4-6	202	B2	80				Nguyễn Thị Liên	0986764198
					PHI1051**-06	4	7-9	202	B2	80				Nguyễn Thị Liên	0986764198
										480					
31	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3	FLF1005- 01	4	1-3	101	B3	100	K.NN&VHVN-DNA	QH2025 NN Đức, VN ĐNA QH2024 NN Đức, SP Đức QH2023 Đức	Nguyễn Thị Hồng Hạnh AR	0932319079	
					FLF1005- 02	4	4-6	101	B3	100				Nguyễn Thị Hồng Hạnh AR	0932319079
					FLF1005- 03	5	1-3	101	B3	100				Hoàng Thị Mai Phương AR	0866359865
					FLF1005- 04	5	4-6	101	B3	100				Trần Hữu Trí	0971424683
										400					
32	FLF1016	Địa chính trị	3	3	FLF1016- 01	5	1-3	406	B3	85	K.NN&VHVN-DNA (Thầy.Ngọc Anh Khoa Trun)	QH2025 ngành NN Anh QH2024 khoa NN&VH Anh, Nga, Trung, Nhật, Hàn, Ả Rập (Khoa Đức. Phải không đặne ký học lớn	Nguyễn Ngọc Anh		
					FLF1016- 02	5	4-6	406	B3	85				Nguyễn Ngọc Anh	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
										170			Chưa biết, tiếp thông tin về học tập này) (môn học không tổ chức giảng dạy ở HK2)		
33	FLF1007	Công nghệ thông tin và truyền thông (Tự chọn)	3	3	FLF1007-01	6	13	"Lịch học trên TKB để sinh viên đăng ký Lớp học sẽ học trên LMS"	Zoom	900		Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 ngành VH TT XQG, NN Nga, NN Pháp, NN Đức, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập QH2024 trở về trước (HP được tổ chức ở 2 học kỳ)	Trịnh Văn Tiếp Nguyễn Văn Châm	0981593374
34	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Bắt buộc)	3	3	Khoa NN&VH Anh xếp TKB cho sv của khoa							Tiếng Anh Khoa NN&VH Anh	QH2025 ngành SP Anh CLC (Khoa gần lớp cho sinh viên)		
35	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Tự chọn)	3	3	FLF1002**-01	2	1-3	402	C1	52		Tiếng Việt Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 NN Anh, SP Trung, NN Trung, NN Hàn, SP Hàn, VN ĐNA QH2024 NN Nga, NN Đức, SP Đức, NN Nhật, SP Nhật, NN Ả Rập	Tạ Chí Thành	
					FLF1002**-02	2	4-6	402	C1	52				Tạ Chí Thành	
					FLF1002**-03	3	1-3	404	C1	52				Nguyễn Thị Thắng	0936775969
					FLF1002**-04	3	4-6	404	C1	52				Nguyễn Thị Thắng	0936775969
					FLF1002**-05	4	4-6	404	C1	52				Nguyễn Thị Thắng	0936775969
					FLF1002**-06	2	4-6	403	C1	52				Nguyễn Anh Tuấn	
					FLF1002**-07	2	7-9	401	C1	52				Nguyễn Anh Tuấn	
										260					
36	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3	FLF1050-01 (cơ bản)	3	1-3	811	A2	85		Môi giảng	QH2025 các ngành Ngôn ngữ và Sư phạm, VH TT XQG	Lê An Na	0916781357
					FLF1050-02 (cơ bản)	3	4-6	811	A2	85				Lê An Na	0916781357
					FLF1050-03 (nhạc)	4	1-3	HT3	C1	55				Lương Xuân Thịnh	0904399377
					FLF1050-04 (nhạc)	4	4-6	HT3	C1	55				Lương Xuân Thịnh	0904399377
					FLF1050-05 (nhạc)	4	7-9	HT3	C1	55				Lương Xuân Thịnh	0904399377
					FLF1050-06 (hoa)	5	1-3	HT3	C1	55				Hồ Hồng Đức	0987926996
					FLF1050-07 (hoa)	5	4-6	HT3	C1	55				Hồ Hồng Đức	0987926996
					FLF1050-08 (hoa)	5	7-9	HT3	C1	55				Hồ Hồng Đức	0987926996
					FLF1050-09 (giải phóng hình thể)	4	10-12	Homies	A6	50				Nguyễn Xuân Huynh	0936624450
					FLF1050-10 (giải phóng hình thể)	6	10-12	Homies	A6	50				Nguyễn Xuân Huynh	0936624450
										600					
37	FLF1059	Thông kê phân tích dữ liệu trong nghiên cứu (Tự chọn) (SV phải học xong môn PPLNCKH)	3	3	FLF1059-01	2				17	HỦY	Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 SP Anh, NN Nga, NN Pháp, SP Trung, NN Trung, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập, VN ĐNA QH2024 NN Đức, SP Đức		
					FLF1059-02	2				15	HỦY				
					FLF1059-03	4	7-9	401	C1	50				Nguyễn Thị Thắng	0936775969
										82					
38	FLF1054	Thư pháp (Đánh cho SV học NN2 Tiếng Trung)	3	3	FLF1054-01 (MC)	6	4-6	711	A2	55		Khoa NN&VH Trung Quốc (Thầy Minh)	QH2024 NN Pháp QH2025 các ngành NN Nga, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập QH2026 BRT Anh (SV khoa Trung không đăng ký học lớp này)	Phạm Văn Minh	
39	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu (SV khoa Pháp, Đức không đăng ký lớp này)	3	3	FLF1006-01	4	1-3	409	B2	60		Khoa NN&VH Pháp (Thầy Văn)	QH24 trở về trước chưa học (SV khoa Pháp, Đức không học lớp này)	Đinh Hồng Văn	
					FLF1006-02	4	4-6	409	B2	60				Đinh Hồng Văn	
					FLF1006-03	3	4-6	205	B3	30	Mở thêm lớp từ 07/9			Đinh Hồng Văn	
										150					
40	PHI1006	Triết học Mác Lênin (HP Bắt buộc)	3	3	Không tổ chức mở lớp							Môi giảng Trường Đại học KHXX Nhân văn	QH2025 trở về trước		
41	FLF1052	Tư duy hình ảnh (Tự chọn)	3	3	FLF1052-03	3	4-6	711	A2	50		Khoa Tâm lý - GDKP	QH2025 NN Nga, SP Trung, NN Trung, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập QH2024 NN Pháp	Trần Thị Bích Ngọc	0983592277
					FLF1052-04	4	1-3	403	C1	50				Phạm Hoàng Long Biên	0912790040
										340					
42	FLF1055	Cổ học tính hoa	3	3	Không tổ chức mở lớp							K. Trung (Thầy Hậu)	QH2026 NN Anh BRT QH2025 ngành NN Nga, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Ả Rập QH2024 NN Pháp		
43	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	HIS1053**-02	2	7-9	406	B2	88			QH2025 SP Anh CLC, SP Anh, NN Anh, VH TT XQG, SP Trung, NN Trung, NN Hàn, SP Hàn, VN ĐNA QH2024 NN Nga, NN Pháp, NN Nhật, SP Nhật, NN Ả Rập	Trần Thị Thanh Huyền	945158138
					HIS1053**-03	4	4-6	406	B2	88				Trần Thị Thanh Huyền	945158138
					HIS1053**-04	4	7-9	406	B2	88				Trần Thị Thanh Huyền	945158138
44										264					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
	FLF1056	Tư duy phê phán (Tự chọn)	3	3	Khoa NN&VH Anh xây dựng TKB cho SV của khoa							Tiếng Anh K. NN&VH Anh	QH2025 NN Anh		
45	FLF1056	Tư duy phê phán (Tự chọn)	3	3	FLF1056-01	2	4-6	405	C1	55		K.NN&VH Anh (Cổ Việt Hương)	QH2025 NN Pháp, SP Trung, NN Trung, NN Hàn, SP Hàn QH2024 NN Nga, NN Nhật, SP Nhật., NN Á Rập (Sinh viên khoa NN&VH Anh không đăng ký học lớp này)	Phan Thị Toán	
					FLF1056-02	4	4-6	301	B2	55				Đặng Thị Phương	
					FLF1056-03	2	7-9	610	A2	55				Phan Thị Toán	
					FLF1056-04	4	7-9	711	A2	55				Đặng Thị Phương	
46	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (Tự chọn)	3	3						220	Đã gán lớp CLC, sv hệ khác không học lớp này		QH2025 SP Anh CLC (lớp CLC gán lớp) (tự chọn bắt buộc)	Nguyễn Thu Lê Hằng	
					FLF1053-04 CLC SPA	4	4-6	211	B2	30				Nguyễn Thu Lê Hằng	
					FLF1053-05	5	7-9	101	B3	50					
					FLF1053-06	5	4-6	301	B2	50			QH2025 SP Anh CLC (lớp CLC gán lớp) SP Anh, NN Anh, NN Nga, SP Trung, NN Trung, NN Nhật, SP Nhật, NN Hàn, SP Hàn, NN Á Rập QH2024 ngành NN Pháp QH2023 Pháp	Nguyễn Thị Kim Phương	0934140281
										130					
47	FLF1057	Văn hóa các nước Asean (T. Anh)	3	3	Khoa NN&VH Anh xây dựng TKB cho SV của khoa							K. NN&VH Anh (CNNTA)	QH2026 NN Anh BRT		
48	FLF1057	Văn hóa các nước Asean (T. Việt) (Sinh viên khoa Anh phải học lớp do khoa phụ trách)	3	3	FLF1057-01	2	7-9	401	B2	85		K.NN&VHVN-DNA	QH2025 VHTTXQG, SP Trung, NN Trung, NN Hàn, SP Hàn QH2024 NN Nga, NN Pháp, NN Nhật, SP Nhật, NN Á Rập	Đào Thị Hợp	0961089295
					FLF1057-02	2	4-6	501	B2	85				Đào Thị Hợp	0961089295
					FLF1057-03	6	7-9	401	B2	85				Đào Thị Hợp	0961089295
					FLF1057-04	6	4-6	401	B2	85				Đào Thị Hợp	0961089295
										340					
Các học phần dành cho sinh viên khoa QH2024															
49	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	POL1001-01	2	1-2	210	B2	88		Môi giảng Trường Đại học KHXH Nhân văn	QH2024 toàn trường	Nguyễn Thị Kim Thoa	0987961667
					POL1001-02	2	3-4	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-03	2	5-6	210	B2	88				Nguyễn Thị Kim Thoa	0987961667
					POL1001-04	2	7-8	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-05	2	9-10	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-06	2	1-2	211	B2	18	HỦY 8/9			Ngô Văn Hùng	0329999681
					POL1001-07	2	3-4	211	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-08	2	5-6	211	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-09	3	1-2	210	B2	88				Ngô Văn Hùng	0329999681
					POL1001-10	3	3-4	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-11	3	5-6	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-12	3	7-8	210	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-13	3	9-10	210	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-14	3	1-2	211	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-15	3	3-4	211	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-16	3	5-6	211	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-17	4	1-2	210	B2	88				Ngô Văn Hùng	0329999681
					POL1001-18	4	3-4	210	B2	88				Nguyễn Thị Kim Hoa	0839509868
					POL1001-19	4	5-6	210	B2	88				Nguyễn Thị Kim Hoa	0839509868
					POL1001-20	4	7-8	210	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-21	4	9-10	210	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-22	5	1-2	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-23	5	3-4	210	B2	88				Phạm Quỳnh Hương	0904668933
					POL1001-24	5	5-6	210	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-25	5	7-8	210	B2	88				Lê Văn Quân	0983259272
					POL1001-26	6	1-2	210	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-27	6	3-4	210	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
					POL1001-28	6	5-6	210	B2	88				Đỗ Thị Ngọc Anh	0912126229
										2394					
50	ENG3106	Kinh tế vi mô (Bắt buộc)	3	3	ENG3106 - 01	2	7-9	105	B2	90		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2024 NN Anh đ/h Kinh doanh thương mại và Quản trị	Đặng Ngọc Sinh	0866624584
					ENG3106 - 02	2	10-12	105	B2	90				Đặng Ngọc Sinh	0866624584
										180					
51	ENG2046	Kinh tế vi mô- vĩ mô (Bắt buộc)	3	3	ENG2046-01	3	7-9	409	B2	90		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2024 ngành NN Trung đ/h Kinh tế QH2023 NN Đức đ/h Kinh tế	Tăng Thị Thanh Hằng	0985737025
					ENG2046-02	3	10-12	409	B2	9	HỦY TỪ 07/9				
										99					
52	INE2020	Kinh tế quốc tế (Bắt buộc)	3	3	INE2020-01 (MC)	4	7-9	105	B2	90		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2024 NN Trung đ/h Kinh tế (BB) QH2023 Trung BPD (tự chọn)	Bùi Thị Minh Trang	0971630482
					INE2020-02 (MC)	4	10-12	105	B2	19	HỦY TỪ 07/9				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết	Mã lớp học phần	Thứ	Tiết	PHÒNG	GD	St số	Ghi chú lớp Hủy/Nơi chỗ	Ngôn ngữ/ Đơn vị giảng dạy	Đối tượng học	Họ và tên giáo viên	ĐT liên hệ
66	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3		ENG3088-01	4	1-3	306	B2	55		Khoa NN&VH Anh (KTA)	QH2023 NN Nga, NN Pháp, NN Đức, SP Nhật, NN Nhật, NN Hàn	Nguyễn Thị Bích Hạnh	0983587187
					ENG3088-02	4	4-6	306	B2	55				Nguyễn Thị Vân Anh	0977770086
					ENG3088-03	6	4-6	402	C1	55				Nguyễn Thị Hồng Châu	0969170372
					ENG3088-04	6	7-9	610	A2	55				Hoàng Thị Khánh	0902997786
					ENG3088-05	6	7-9	HT1	C1	55	Mở thêm lớp từ 7/9			Nguyễn Thị Hồng Châu	0969170372
										275					
67	HIS1001	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam (Bắt buộc)	2	2	HIS1001-01	4	7-8	401	B2	88		Tiếng Việt Môi giảng ĐHKH XH&NV	QH2023 trở về trước	Phạm Thị Lương Diệu	0983838306
					HIS1001-02	4	9-10	401	B2	88				Phạm Thị Lương Diệu	0983838306
										176					
68	TOU2009	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	TOU2009-01	5	7-9	811	A2	80		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2023 Đức BPD	Tăng Thị Thanh Hằng	0985737025
69	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3	TOU2008-01	2	7-9	202	B2	80		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2023 NN Đức BPD, Kinh tế	Lê Thủy Anh	0948937734
70	FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ (tự chọn hệ sư phạm)	3	3	FLF3001-01	5	7-9	Học trên LMS	Zoom	65		K Tâm lý GDKP	QH2023 các ngành sư phạm Anh CLC, SP Anh, SP Trung, SP Nhật, SP Hàn	Khương Quỳnh Nga	
					FLF3001-02	6	7-9	Học trên LMS	Zoom	65				Nguyễn Thị Lan Hương	
										130					
71	ENG3026	Thị trường và định chế tài chính	3	3	ENG3026	2	10-12	211	B2	4	HỦY TỪ 07/9	K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2023 Trung Kinh tế		
72	PSF3009	Tâm lý giảng dạy tiếng nước ngoài (Tự chọn dành cho hệ Sư phạm)	3	3	PSF3009-01	5	10-12	101	B3	60		Khoa Tâm lý - GDKP	QH2023 ngành Sư phạm Anh CLC, SP Anh, SP Trung, SP Nhật, SP Hàn (SV hệ ngôn ngữ không đăng kí học phần này)	Tạ Nhật Ánh	0934893668
					PSF3009-02	3	10-12	HT1	C1	60				Đào Thị Diệu Linh	
										120					
73	ENG3107	Kinh tế vi mô (bắt buộc)	3	3	ENG3107-01	4	10-12	202	B2	90		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2023 Nhật đ/h Quản trị kinh doanh (SV khoa Nhật học mã môn ENG3017 chuyển tương đương mã JAP3075. Nhà trường gán lớp cho SV) Gán lớp	Đặng Ngọc Sinh	0866624584
74	ENG3118	Kinh doanh quốc tế (bắt buộc)	3	3	ENG3118-01	4	7-9	101	B3	95		K.GDQT (BM Kinh tế)	QH2023 NN Anh đ/h kinh doanh thương mại	Đặng Ngọc Sinh	0866624584